

Bản án: **115/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28/4/2020

Tranh chấp về HNGĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quang Hiên

Bà Nguyễn Thị Việt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký
Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà
Vũ Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét
xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 546/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm
2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
04/2020/QĐXX- ST ngày 25 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số
03/2020/QĐ – HPT ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số
05/2020/QĐ – HPT ngày 10 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Kiều N, sinh năm 1996.

HKTT: Tổ dân phố Trù 3, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Hiện ở: Số 3 ngách 59 ngõ V, phường H, Đống Đa, Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Văn Tiến M, sinh năm 1988.

HKTT và ở: Tổ dân phố Trù 2, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. (số 4
ngõ 119/86 đường tàu C, Tổ dân phố Trù 3, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2019, bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm
2019 và biên bản hòa giải ngày 24 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn chị Dương Kiều
N trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Văn Tiến M kết hôn ngày 30/7/2013 có đăng ký kết
hôn tại UBND xã C, huyện Từ Liêm (nay là phường C, quận Bắc Từ Liêm), Hà Nội

trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống tại số 4 ngõ 119/86 đường tàu C, Tổ dân phố Trù 3, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Cuộc sống chung hạnh phúc được mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M ham chơi, lười lao động và có sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh M còn đánh đập chị. Mâu thuẫn của anh chị hai bên gia đình đều biết nhưng không có ý kiến gì. Chị và anh M đã sống ly thân được 02 năm, chị về nhà bố mẹ đẻ ở số 3 ngách 59 ngõ V, phường H, Đống Đa, Hà Nội từ tháng 11/2018 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài đã lâu không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, cháu Văn Kiều H2 (nữ), sinh ngày 05/8/2013, hiện cháu H2 đang ở với anh M. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị đồng ý để anh M tiếp tục nuôi cháu H2 vì không muốn xáo trộn cuộc sống của cháu, chị tự nguyện đóng góp tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2020.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24 tháng 12 năm 2019, bị đơn anh Văn Tiến M trình bày:

Anh và chị Dương Kiều N kết hôn ngày 30/7/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Từ Liêm (nay là phường C, quận Bắc Từ Liêm), Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống tại số 4 ngõ 119/86 đường tàu C, Tổ dân phố Trù 3, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì anh đi cai nghiện tự nguyện đến năm 2017 về thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh không có công việc làm ổn định và anh nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh thừa nhận có đánh chị N. Từ cuối năm 2018 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị N nhưng bản thân anh cũng không có cách gì để hàn gắn cải thiện quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Văn Kiều H2 (nữ), sinh ngày 05/8/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H2 ở với anh, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và đồng ý với mức cấp dưỡng tiền nuôi con của chị N là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2020.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Dương Kiều N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Văn Tiến M, đồng ý để anh M nuôi con chung và tự nguyện đóng góp nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng

kể từ tháng 4/2020. Tài sản, nhà ở, nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Văn Tiến M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như : xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách người tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của BLTTDS, đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Kiều N. Về con chung: Giao 01 con chung là Văn Kiều H2 (nữ), sinh ngày 05/8/2013 cho anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N đóng góp nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2020. Về tài sản chung, nhà ở, nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Chị Dương Kiều N và anh Văn Tiến M kết hôn ngày 30/7/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Từ Liêm (nay là phường C, quận Bắc Từ Liêm), Hà Nội do vậy là hôn nhân hợp pháp. Ngày 04 tháng 11 năm 2019 chị N có đơn xin ly hôn anh M, chị N và anh M đều có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Trù 3, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Hiện anh M vẫn đang sinh sống tại số 4 ngõ 119/86 đường tàu C, Tổ dân phố Trù 3, phường C , quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội vì vậy yêu cầu của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội theo quy định tại điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Văn Tiến M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2]Về nội dung: Căn cứ lời khai của các đương sự và kết quả xác M tại địa phương cho thấy: Chị N và anh M có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số 4 ngõ 119/86 đường tàu C, Tổ dân phố Trù 3, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M sử dụng chất ma túy, không có công việc ổn định, thiếu trách nhiệm với gia đình và đánh chị N mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn.. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ngày càng trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh M là có căn cứ theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Văn Kiều H2 (nữ), sinh ngày 05/8/2013. Anh chị thỏa thuận giao cháu H2 cho anh M nuôi dưỡng, chị N đóng góp tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2020. Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp pháp luật nên chấp nhận, giao con chung là cháu Văn Kiều H2 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi cháu H2 tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Kiều N. Chị Dương Kiều N được ly hôn anh Văn Tiến M.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Văn Kiều H2, sinh ngày 05/8/2013. Giao cháu Văn Kiều H2 cho anh Văn Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi

đường. Chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi cháu H2 tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Dương Kiều N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Anh chị xác định không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Kiều N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AB/2015/03212 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, sơ thẩm chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- UBND phường C 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Thu Phụng